TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2017/DS-ST
Ngày: 11-8-2017
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Hồng;

2. Ông Nguyễn Đức Nhuận.

- Thư ký phiên toà: Bà Đậu Thị Loan, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 223/2017/TLST-DS ngày 22/5/2017 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VNTV (VB); trụ sở: Số X, đường LH, phường LH, quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà VTKO, sinh năm 1995; địa chỉ: số M, khu phố T, phường VP, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền số 426/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 14/4/2017), có mặt

2. Bị đơn: Bà NTTN, sinh năm 1994; HKTT: số Q, khu phố W, phường AP, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2017, bản tự khai ngày 01/6/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn do bà VTKO đại diện trình bày***:**

Ngày 14/12/2014, bà NTTN ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141219-500002-0112 để vay tiền của Ngân hàng TMCP VNTV– tên viết tắt là VB. Theo đó, VB cho bà N vay số tiền số tiền 26.250.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà NTTN có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 40.956.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi, trả chậm trong vòng 24 tháng tương đương 24 kỳ; 23 kỳ đầu mỗi kỳ trả số tiền 1.678.000 đồng, kỳ cuối cùng trả số

tiền 2.362.000 đồng, thanh toán kỳ đầu tiên vào ngày 01/02/2015. Thực hiện hợp đồng, VB đã giao cho bà N đủ số tiền cho vay, bà N cũng đã thanh toán cho VB được 14 lần với tổng số tiền là 23.516.000 đồng, còn nợ lại 14.254.263 đồng; sau khi Ngân hàng khởi kiện, ngày 16/7/2017 bà N đã trả thêm cho Ngân hàng số tiền 1.500.000 đồng, hiện còn nợ 12.754.263 đồng.

Nay, Ngân hàng TMCP VNTV yêu cầu bà NTTN phải trả số nợ còn lại là 12.754.263 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn là bà NTTN yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai 27/6/2017 có trình bày:

Bà NTTN thừa nhận có vay tiền đúng như trình bày của nguyên đơn nêu trên để tiêu xài cá nhân, cụ thể: Bà N có vay của nguyên đơn tổng số tiền 26.250.000 đồng với thời hạn 24 tháng, lãi suất 3,75%/tháng, trả dần trong 24 kỳ, 23 kỳ đầu trả số tiền 1.678.000 đồng, kỳ thứ 24 trả số tiền 2.362.000 đồng. Sau khi vay tiền của nguyên đơn, bà N đã trả được 14 kỳ với tổng số tiền là 23.516.000 đồng, từ tháng 8/2016 do kinh tế khó khăn nên không có điều kiện trả tiếp. Bà N thừa nhận tính đến ngày 27/6/2017 còn nợ nguyên đơn số tiền 14.254.263 đồng. Hiện nay bà N hoàn cảnh khó khăn nên không có thể trả cho nguyên đơn một lần số tiền còn nợ, đề nghị nguyên đơn cho trả dần hàng tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An phát biểu: Về tố tụng, quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc tranh luận Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền khi tham gia tố tụng; bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất với nhau về số tiền vay, số tiền đã thanh toán và số tiền hiện còn nợ; bị đơn đề nghị nguyên đơn cho thanh toán làm nhiều lần nhưng nguyên đơn không đồng ý, vì vậy không có cơ sở chấp nhận đề nghị của bị đơn. Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn thừa nhận việc bị đơn đã trả thêm số tiền 1.500.000 đồng nên ghi nhận. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được bị đơn thừa nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bị đơn - bà NTTN có yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

2. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn trình bày bị đơn ký hợp đồng tín dụng vay tiền của nguyên đơn, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 26.250.000 đồng mục đích để tiêu dùng, lãi suất 3,75%/tháng, trả dần trong 24 kỳ tương đương 24 tháng, 23 kỳ đầu trả số tiền 1.678.000 đồng, kỳ thứ 24 trả số tiền 2.362.000 đồng. Sau khi vay tiền của nguyên đơn, bà N đã trả được 14 kỳ với tổng số tiền là 23.516.000 đồng sau đó không trả nữa nên phát sinh tranh chấp. Như vậy, quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005, nay là Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; bị đơn là bà NTTN có địa chỉ tại phường AP, thị xã Thuận An vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án của

Tòa án nhân dân thị xã Thuận An theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Xét yêu cầu và chứng cứ của nguyên đơn thấy rằng: Ngày 14/12/2014 bà NTTN có vay của nguyên đơn số tiền 26.250.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà NTTN có trách nhiệm thanh toán số tiền 40.956.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi, trả chậm trong vòng 24 tháng tương ứng với 24 kỳ; 23 kỳ đầu mỗi kỳ trả số tiền 1.678.000 đồng, tháng cuối cùng trả số tiền 2.362.000 đồng, thanh toán kỳ đầu tiên vào ngày 01/02/2015. Thực hiện hợp đồng, bà N đã nhận đủ số tiền VB cho vay và đã thanh toán cho VB được 14 lần với tổng số tiền là 23.516.000 đồng, còn lại 14.254.263 đồng. Quá trình tố tụng bà N thừa nhận có vay và đã trả cho VB được 14 kỳ với số tiền 23.516.000 đồng; Tại bản tự khai ngày 31/7/2017 và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn thừa nhận ngày 16/7/2017 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn thêm số tiền 1.500.000đồng, hiện còn nợ 12.754.263 đồng, đây là sự thừa nhận của nguyên đơn nên có căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 12.754.263 đồng.

Xét thấy, bà N vay tiền của VB với cam kết trả dần làm 24 kỳ, mới thanh toán được 14 kỳ thì không tiếp tục thanh toán là vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng, VB có quyền yêu cầu bà N trả toàn bộ số tiền còn nợ là đúng thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp với quy định tại các điều 471, 474, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005, nay là các điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình làm việc, bà N đề nghị trả dần số tiền còn nợ nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên đề nghị của bà N không được chấp nhận.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những nhận xét nêu trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà NTTN phải trả cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền 12.754.263 đồng. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác nên không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các điều 471, 474, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005, nay là các điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

- Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VNTV đối với bà NTTN về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc bà NTTN phải trả cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền 12.754.263 đồng (mười hai triệu, bảy trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm sáu mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Về án phí:

Bà NTTN phải chịu 637.713 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Trả lại cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền 356.357 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0015208 ngày 08/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận An.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Vũ Trọng Quân